|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**TRƯỜNG THCS VÕ TRƯỜNG TOẢN****NHÓM SINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|   | *Quận 1, ngày 09 tháng 4 năm 2020* |
|  |  |

**KẾ HOẠCH**

**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC SAU TINH GIẢN THEO HƯỚNG DẪN CỦA CÔNG VĂN 1113/GDĐT-GDTrH**

**HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020**

**ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC SINH HỌC HỌC KÌ II**

**LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiết | Bài | **HỌC KỲ II** |  |
| 39 | 30 | Thụ phấn (tiếp theo). |  |
| 40 | 31 | Thụ tinh, kết quả và tạo hạt. |  |
| **CHƯƠNG VII. QUẢ VÀ HẠT** |
| 41 | 32 | Các loại quả. |  |
| 42 | 33 | Hạt và các bộ phận của hạt. |  |
|  | 34 | Phát tán của quả và hạt. | Khuyến khích học sinh tự đọc |
|  | 35 | Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm. | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 43 | 36 | Tổng kết về cây có hoa. | Mục II. Cây với môi trường: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| **CHƯƠNG VIII. CÁC NHÓM THỰC VẬT** |
| 44 | 37 | Tảo. | - Mục 1: Cấu tạo của tảo và mục 2: Một vài tảo khác thường gặp: - Chỉ giới thiệu các đại diện bằng hình ảnh mà không đi sâu vào cấu tạo. |
| - Không yêu cầu HS trả lời: Câu hỏi 1, 2, 4 |
| - Không yêu cầu HS trả lời phần cấu tạo: Câu hỏi 3 |
| 45 | 38 | Rêu - Cây rêu. | Mục 3.Túi bào tử và sự phát triển của rêu: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu hình thức sinh sản của rêu. |
| 46 | 39 | Quyết - Cây dương xỉ. | Mục 1b) Túi bào tử và sự phát triển của dương xỉ: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu hình thức sinh sản của dương xỉ.Mục 2. Một vài loại dương xỉ thường gặp: Không dạy.Mục 3. Quyết cổ đại và sự hình thành than đá: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 46 | 40 | Hạt trần - Cây thông. | Mục 2. Cơ quan sinh sản(nón): Không dạy chi tiết, không bắt buộc so sánh cấu tạo hoa của hạt kín với nón của hạt trần, chỉ giới thiệu cơ quan sinh sản. |
| 47 | 41 | Hạt kín - Đặc điểm của thực vật Hạt kín. | Câu hỏi 3: Không yêu cầu HS trả lời. Phần lệnh▼”Lấy một quả để kiểm tra điều trên”: Không thực hiện. |
| 42 | Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm. | Mục 2. Đặc điểm phân biệt giữa lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| 48 |  | Ôn tập |  |
| 49 |  | Kiểm tra 1 tiết |  |
| 50 | 43 | Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật. | Không dạy chi tiết, chỉ dạy những hiểu biết chung về phân loại thực vật. |
| 50 |  | Sự phát triển của giới Thực vật | Đọc thêm ( Thay bằng nội dung ôn tập Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm) |
| 51 | 45 | Nguồn gốc cây trồng. |  |
| **CHƯƠNG IX. VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT** |
| 52 | 46 | Thực vật góp phần điều hoà khí hậu. | Mục 1. Nhờ đâu hàm lượng khí cacbonic và oxi trong không khí được ổn định?: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 47 | Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước. | Mục 1. Phần lệnh▼: Không thực hiện. |
| 53 | 48 | Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người. | Mục I.1. Phần lệnh▼: Không thực hiện. |
| 48 | Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người (tiếp theo). | Cả 3 bài 46, 47, 48: Tích hợp thành chủ đề ”Vai trò của thực vật”. |
| 54 | 49 | Bảo vệ sự đa dạng của thực vật. |  |
| **CHƯƠNG X. VI KHUẨN - NẤM - ĐỊA Y** |
| 55 | 50 | Vi khuẩn. | Mục 2. Cách dinh dưỡng. Mục 3. Phân bố và số lượng: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 55 | 51 | Nấm. | Mục I.1. Phần lệnh ▼- Mục II. Phần lệnh▼ : Không thực hiện.Phần B. Mục I. Đặc điểm sinh học: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
|  | 52 | Địa y.  | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 56 |  | Ôn tập |  |
| 57 |  | Ôn tập |  |
| 58 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 59 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 60 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 61 |  | Kiểm tra học kỳ II |  |
|  | 53 | Tham quan thiên nhiên. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện |
| 53 | Tham quan thiên nhiên. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện |

**LỚP 7**

|  |
| --- |
| **HỌC KỲ II** |
| **Lớp Lưỡng cư** |
| 39 | 35 | Ếch đồng. |  |
| 40 | 36 | *Thực hành:* Quan sát cấu tạo trong của ếch đồng trên mẫu mổ. |  |
| 41 | 37 | Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Lưỡng cư. |  |
| **Lớp Bò sát** |
| 42 | 38 | Thằn lằn bóng đuôi dài. |  |
|  | 39 | Cấu tạo trong của thằn lằn. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 43 | 40 | Đa dạng và đặc điểm của lớp Bò sát. | Phần lệnh ▼(Mục I. Đa dạng của bò sát): Không yêu cầu HS trả lời |
| **Lớp Chim** |
| 44 | 41 | Chim bồ câu. |  |
| 45 | 42 | Cấu tạo trong của chim bồ câu. |  |
|  | 43 | *Thực hành:* Quan sát bộ xương, mẫu mổ chim bồ câu. | Cả bài: Không thực hiện. |
| 46 | 44 | Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Chim. | - Phần lệnh ▼: Đọc bảng và hình 44.3 (dòng 1 trang 145): Không yêu cầu HS trả lời |
| - Không yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 trang 146 |
|  | 45 | *Thực hành*: Xem băng hình về đời sống và tập tính của Chim. Khuyến khích học sinh tự thực hiện (Cả bài). |
| **Lớp Thú (lớp có vú).** |
| 47 | 46 | Thỏ.  |  |
|  | 47 | Cấu tạo trong của thỏ. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 48 | 48 | Đa dạng của lớp ThúBộ thú huyệt, bộ Thú túi. | - Không dạy: Phần lệnh ▼ (phần II. Bộ Thú túi) trang 157 |
| - Không yêu cầu HS trả lời: Câu hỏi 2 trang 158 |
| 49 | Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)Bộ Dơi và bộ Cá voi. | Không dạy: Phần lệnh ▼ trang 160. |
| 49 |  | Kiểm tra 1 tiết. |  |
| 50 | 50 | Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)Bộ Ăn sâu bọ, bộ Gặm nhấm, bộ Ăn thịt. | - Không dạy: Phần lệnh ▼ trang 164 |
| - Không yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 trang 165 |
| 51 | Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)Các bộ Móng guốc và bộ Linh trưởng. | Cả 3 bài: 48, 49, 50: Tích hợp cùng Bài 51 thành chủ đề” Đa dạng của lớp Thú”.Nội dung: Thú Móng guốc gồm ba bộ(Mục I. Các bộ Móng guốc). Phần lệnh▼. Mục II. Phần lệnh▼: Không thực hiện.) |
|  | 52 | *Thực hành*: Xem băng hình về đời sống và tập tính của Thú. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
|  |  |  |  |
| **CHƯƠNG VII: SỰ TIẾN HOÁ CỦA ĐỘNG VẬT** |
|  |  | Môi trường sống và sự vận động di chuyển ( Không dạy) Thay bằng nội dung: *Xem băng hình về đời sống và tập tính của thú* |  |
|  | 54 | Tiến hoá về tổ chức cơ thể. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 51 | 55 | Tiến hoá về sinh sản. |  |
| 52 | 56 | Cây phát sinh giới Động vật. |  |
| **CHƯƠNG VIII: ĐỘNG VẬT VÀ ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI** |
| 53 | 57 | Đa dạng sinh học. | Cả bài: Không phân tích sự thích nghi của động vật với môi trường sống, chỉ giới thiệu sự đa dạng của động vật. Tích hợp vào Bài 58. |
| 58 | Đa dạng sinh học (tiếp theo). | Cả bài: Tích hợp cùng bài 57 thành chủ đề” Đa dạng sinh học”. |
| 54 | 59 | Biện pháp đấu tranh sinh học. |  |
|  | 60 | Động vật quý hiếm. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
|   | 61, 62 | Tìm hiểu một số động vật có tầm quan trọng trong kinh tế ở địa phương. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| 55 |  | Ôn tập học kỳ II. |  |
| 56 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 57 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 58 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 59 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
|  | 64-66 | *Thực hành*: Tham quan thiên nhiên. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |

**LỚP 8**

|  |
| --- |
| **HỌC KỲ II** |
| 39 | 34 | Vitamin và muối khoáng. |  |
| 40 | 36 | Tiêu chuẩn ăn uống. Nguyên tắc lập khẩu phần. |  |
| 41 | 37 | *Thực hành*: Phân tích một khẩu phần cho trước. |  |
| **CHƯƠNG VII. BÀI TIẾT** |
| 42 | 38 | Bài tiết và cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu. |  |
| 43 | 39 | Bài tiết nước tiểu. | Hình 39.1. Sơ đồ quá trình tạo thành nước tiểu ở một đơn vị chức năng của thận.: Không dạy chi tiết sơ đồ hình 39.1, chỉ dạy phân biệt 3 quá trình lọc máu, hấp thu lại và bài tiết tiếp.(Mục I).Mục I. Phần lệnh▼ và Mục II. Phần lệnh▼: Không thực hiện. |
| 43 | 40 | Vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu. | Mục I. Một số tác nhân chủ yếu gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu.: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các tác nhân. |
|  |  |  |  |
| **CHƯƠNG VIII. DA** |
| 44 | 41 | Cấu tạo và chức năng của da. | Mục I. Cấu tạo của da: Không dạy chi tiết cấu tạo từng phần của da. |
| 44 | 42 | Vệ sinh da. | Mục II. Rèn luyện da: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **CHƯƠNG IX. THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN** |
| 45 | 43 | Giới thiệu chung hệ thần kinh. | Mục I. Nơ ron- Đơn vị cấu tạo của thần kinh: Không dạy. Mục II.1. Cấu tạo: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu cấu tạo. |
|  | 44 | *Thực hành:* Tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tuỷ sống. | Cả bài: Không thực hiện. |
| 45 | 45 | Dây thần kinh tuỷ. |  |
| 46 | 46 | Trụ não, tiểu não, não trung gian. | - Không dạy: Lệnh ▼ So sánh cấu tạo và chức năng của trụ não và tủy sống…và bảng 46 trang 145.Không dạy phần cấu tạo não bộ, chỉ dạy về vị trí và chức năng. |
| 46 | 47 | Đại não. | Lệnh ▼ trang 149: Không dạy  |
|  | 48 | Hệ thần kinh sinh dưỡng. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 47 | 49 | Cơ quan phân tích thị giác. | - Không dạy: Hình 49 – 1 và nội dung liên quan ở lệnh ▼ trang 155 |
| - Không dạy: Hình 49.4 và lệnh ▼ trang 157Mục II.2. Cấu tạo của màng lưới. Mục II.3. Sự tạo ảnh ở màng lưới: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 47 | 50 | Vệ sinh mắt. |  |
| 48 | 51 | Cơ quan phân tích thính giác. | Hình 51.2 và nội dung liên quan trang 163: Không dạy |
| - Câu hỏi 1 trang 165: Không yêu cầu HS trả lời |
| 49 |  | Kiểm tra 1 tiết |  |
| 50 | 52 | Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện. |  |
|  | 53 | Hoạt động thần kinh cấp cao ở người. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 51 | 54 | Vệ sinh hệ thần kinh. |  |
| **CHƯƠNG X. NỘI TIẾT** |
| 60 | 55 | Giới thiệu chung hệ nội tiết. | Cả 5 bài: Không dạy đặc điểm cấu tạo các tuyến. Tích hợp thành chủ đề “ Nội tiết”. |
| 56 | Tuyến yên, tuyến giáp. |
| 57 | Tuyến tuỵ và tuyến trên thận. |
| 61 | 58 | Tuyến sinh dục. |
| 61 | 59 | Sự điều hoà và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết. |
| **CHƯƠNG XI. SINH SẢN** |
| 62 | 60, 61 | Cơ quan sinh dục nam;Cơ quan sinh dục nữ. | Mục I. Tinh hoàn và tinh trùng.Mục II. Buồng trứng và trứng: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu. |
| 63 | 62 | Thụ tinh, thụ thai và phát triển của thai. |  |
| 64 | 63 | Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai. |  |
| 65 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 66 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 67 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 68 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 69 | 64 | Các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh tình dục). | Mục II. Bệnh giang mai.: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 69 | 65 | Đại dịch AIDS - Thảm hoạ của loài người. | Mục II. Đại dịch AIDS- Thảm họa của loài người: Khuyến khích học sinh tự đọc. |

**LỚP 9**

|  |
| --- |
| **HỌC KỲ II****CHƯƠNG VI. ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC** |
| 39 | 34 | Thoái hoá do tự thụ phấn và do giao phối gần. |  |
| 40 | 35 | Ưu thế lai. |  |
|  | 36 | Các phương pháp chọn lọc *Thay bằng Ôn tập: ADN, ARN* | Đọc thêm  |
| 41 | 37 | Thành tựu chọn giống ở Việt Nam*Thay nội dung ôn tập: Đột biến gen, đột biến NST* | Không dạy |
|  | 38 | *Thực hành*: Tập dượt thao tác giao phấn. | Không thực hiện |
|  | 39 | *Thực hành*: Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG****Chương I. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**  |
| 42 | 41 | Môi trường và các nhân tố sinh thái. |  |
| 43 | 42 | Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật. |  |
| 44 | 43 | Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật. |  |
| 45 | 44 | Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật. |  |
|  | 45, 46 | *Thực hành*: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **CHƯƠNG II. HỆ SINH THÁI** |
| 46 | 47 | Quần thể sinh vật. | Mục II. Những đặc trưng cơ bản của quần thể: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các đặc trưng. |
| 46 | 48 | Quần thể người. | Mục II. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 47 | 49 | Quần xã sinh vật. |  |
| 48 | 50 | Hệ sinh thái. |  |
|  | 51 | *Thực hành*: Hệ sinh thái. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| 49 |  | *Kiểm tra 1 tiết* |  |
|  | 52 | *Thực hành*: Hệ sinh thái. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **CHƯƠNG III. CON NGƯỜI, DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG** |
| 50 | 53 | Tác động của con người đối với môi trường. |  |
| 51 | 54 | Ô nhiễm môi trường. |  |
|  | 55 | Ô nhiễm môi trường (tiếp theo). | Khuyến khích học sinh tự đọc. |
|   | 56, 57 | *Thực hành*: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **CHƯƠNG IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** |
| 52 | 58 | Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. | Cả 4 bài: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu khái quát.Tích hợp thành chủ đề “ Bảo vệ môi trường”. |
| 52 | 59 | Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã. |
| 53 | 60 | Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái. |
| 61 | Luật bảo vệ môi trường. |
|  | 62 | *Thực hành*: Vận dụng luật bảo vệ môi trường vào việc bảo vệ môi trường ở địa phương. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| 54 |  | Ôn tập cuối học kỳ II. |  |
| 55 |  | Kiểm tra học kì II. |  |
| 56 |  | Kiểm tra học kì II. |  |
| 57 |  | Kiểm tra học kì II. |  |
| 58 |  | Kiểm tra học kì II. |  |
|  | 64-66 | Tổng kết chương trình toàn cấp. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |

**DUYỆT CỦA BGH NHÓM TRƯỞNG**

**Vũ Thị Hạnh Duyên**